

Số : 1573/BC - BVĐKBV

Ba Vì, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO HIỆU QUẢ CHỈ SỐ NĂM 2024

Năm 2024, Bệnh viện Đa khoa Ba Vì đã triển khai theo dõi và đánh giá 13 chỉ số chất lượng khám chữa bệnh tại các khoa, phòng chức năng. Đây là những chỉ số phản ánh toàn diện các mặt hoạt động chuyên môn, bao gồm: kê đơn thuốc hợp lý, công suất sử dụng giường bệnh, sự cố y khoa, đào tạo nhân viên y tế, tư vấn – giáo dục sức khỏe, tỷ lệ chuyển tuyến, mức độ hài lòng người bệnh và thời gian khám bệnh trung bình.

Việc thực hiện các chỉ số được các khoa/phòng phối hợp triển khai nghiêm túc, dữ liệu được thu thập, tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng quý, góp phần giúp Ban Giám đốc và các bộ phận chuyên môn nắm bắt được tình hình thực tế, kịp thời điều chỉnh những điểm chưa phù hợp trong quá trình vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Các kết quả thu được từ hoạt động theo dõi chỉ số đã phản ánh khách quan hiệu quả công tác chuyên môn của bệnh viện trong năm 2024 và là căn cứ quan trọng để xây dựng phương hướng cải tiến chất lượng trong năm 2025. Dưới đây là báo cáo cụ thể đối với từng chỉ số:

1. Tỷ lệ kê đơn thuốc hợp lý theo hướng dẫn điều trị (Khoa Dược)

Hiệu quả: Trong Quý III, chỉ số chỉ đạt 67%, tuy nhiên đã tăng đến 80% trong Quý IV nhờ công tác giám sát và đào tạo nâng cao.

Ưu điểm: Các bác sĩ đã chủ động hơn trong việc cập nhật phác đồ và tuân thủ theo danh mục thuốc theo quy định.

Nhược điểm: Vẫn còn một tỉ lệ nhỏ các bác sĩ chưa cập nhật kiến thức mới, đặc biệt trong một số chính sách bổ sung.

Phương hướng 2025:

Tiếp tục tổ chức đào tạo định kỳ theo chuyên đề.

Tích hợp hệ thống cảnh báo kê đơn lỗi trong phần mềm HIS.

Tăng cường giám sát ngẫu nhiên 10% đơn thuốc hàng tháng.

2. Công suất sử dụng giường bệnh thực tế (Khoa Ngoại tổng hợp)

Hiệu quả: Trung bình công suất năm 2024 đạt 85%, cho thấy việc quản lý và sắp xếp giường bệnh hiệu quả.

Ưu điểm: Hồ sơ ra vào viện được quản lý bài bản, hạn chế được tình trạng nằm chổng.

Nhược điểm: Vào một số thời điểm cao điểm, vẫn xảy ra tình trạng quá tải nhất thời.



Phương hướng 2025:

Tối ưu hóa quy trình xếp xếp giường linh hoạt.

Triển khai bảng điều phối giường trung tâm cho toàn bệnh viện.

Tăng cường hợp đồng giường dự phòng trong cao điểm.

3. Chỉ số sự cố y khoa (Đơn vị: Phòng Kế hoạch Tổng hợp)

Hiệu quả: Tỷ lệ sự cố y khoa được báo cáo đạt 0.06%, trong đó 100% được phân tích nguyên nhân gốc.

Ưu điểm: Nhân viên y tế đã có nhận thức tốt hơn trong báo cáo sự cố, không che giấu.

Nhược điểm: Còn một số khoa/phòng báo cáo chưa đầy đủ, đặc biệt ở các đơn vị cùleap cứu.

Phương hướng 2025:

Tổ chức tập huấn nhận diện và phân loại sự cố theo nguy cơ.

Thí điểm triển khai phần mềm báo cáo sự cố trực tuyến.

Tăng cường đánh giá sau sự cố và các biện pháp phòng ngừa.

4. Đào tạo liên tục của Điều dưỡng/Kỹ thuật viên trong năm (Phòng Điều dưỡng)

Hiệu quả: 95% điều dưỡng và kỹ thuật viên tham gia ít nhất một lớp đào tạo trong năm.

Ưu điểm: Hình thức đào tạo linh hoạt (trực tiếp, trực tuyến), nội dung sát với nhu cầu thực tế.

Nhược điểm: Một số nhân viên nghỉ thai sản, ốm dài ngày chưa được cập nhật đầy đủ.

Phương hướng 2025:

Xây dựng kế hoạch đào tạo cá nhân hóa theo vị trí việc làm.

Áp dụng hệ thống quản lý học tập (LMS) theo dõi tiến độ học tập.

5. Tỷ lệ nhân viên y tế được tập huấn nâng cao y đức, giao tiếp, ứng xử (Phòng Tổ chức cán bộ)

Hiệu quả: 100% nhân viên y tế trực tiếp khám chữa bệnh được tập huấn.

Ưu điểm: Các lớp học được đánh giá tích cực, nhiều tình huống thực tế được đưa vào nội dung.

Nhược điểm: Cần cập nhật nội dung theo hướng chuyên sâu hơn cho từng đối tượng.

Phương hướng 2025:

Bổ sung các lớp nâng cao theo từng vị trí như bác sĩ, điều dưỡng, tiếp đón.

Đưa chỉ số hài lòng người bệnh vào đánh giá hiệu quả tập huấn.

6. Tỷ lệ người bệnh được tư vấn giáo dục sức khỏe (Khoa Truyền nhiễm)

Hiệu quả: Đạt 92% trong năm, tăng 10% so với năm 2023.

Ưu điểm: Chủ động kết hợp tư vấn trong quá trình khám và điều trị.

Nhược điểm: Một số ca cấp cứu chưa thực hiện tư vấn đầy đủ.

Phương hướng 2025:

Cập nhật biểu mẫu tư vấn điện tử trong HIS.

Lồng ghép truyền thông nhóm tại buồng bệnh.

7. Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (Liên chuyên khoa)

Hiệu quả: Tỷ lệ chuyển tuyến ổn định ở mức dưới 6%, phản ánh năng lực điều trị tại bệnh viện được cải thiện.

Ưu điểm: Đã triển khai quy trình hội chẩn trước chuyển tuyến.

Nhược điểm: Một số bệnh nhân yêu cầu chuyển tuyến dù không thực sự cần thiết.

Phương hướng 2025:

Tăng cường truyền thông cho người bệnh về khả năng điều trị tại BV.

Cập nhật lại quy trình kiểm soát chuyển tuyến chặt chẽ hơn.

8. Tỷ lệ người bệnh hài lòng với dịch vụ khám chữa bệnh (Khoa Nội tổng

hợp)

Hiệu quả: Tỷ lệ hài lòng đạt 94%, tăng nhẹ so với năm 2023 (92%).

Ưu điểm: Công tác chăm sóc người bệnh và giao tiếp cải thiện rõ rệt.

Nhược điểm: Vẫn còn phản nàn về thời gian chờ khám trong giờ cao điểm.

Phương hướng 2025:

Mở thêm bàn khám trong giờ cao điểm.

Tiếp tục duy trì bảng khảo sát điện tử và phản hồi nhanh.

9. Tỷ lệ tuân thủ quy trình tư vấn giáo dục sức khỏe (Phòng Điều dưỡng)

Hiệu quả: Đạt 89%, cải thiện so với năm trước (84%).

Ưu điểm: Các điều dưỡng đã tuân thủ tốt quy trình tư vấn.

Nhược điểm: Một số trường hợp ghi chép còn thiếu sót.

Phương hướng 2025:

Tăng cường kiểm tra định kỳ việc ghi chép tư vấn.

Đào tạo lại quy trình tư vấn cho điều dưỡng mới.

10. Tỷ số điều dưỡng/người bệnh (Khoa Nhi)

Hiệu quả: Đảm bảo tỷ lệ 1 điều dưỡng/5 bệnh nhi theo yêu cầu của Bộ Y tế.

Ưu điểm: Chăm sóc bệnh nhi chuyên sâu, hỗ trợ tốt cho người nhà.

Nhược điểm: Một số thời điểm thiếu nhân lực do nghỉ phép, nghỉ thai sản.

Phương hướng 2025:

Bổ sung thêm biên chế điều dưỡng.

Xây dựng phương án luân chuyển nhân lực giữa các ca linh hoạt.



11. Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh (Tổ Quản lý chất lượng)

Hiệu quả: Trung bình 14 phút/bệnh nhân, đạt yêu cầu theo Bộ tiêu chí chất lượng.

Ưu điểm: Hệ thống khám theo số thứ tự vận hành hiệu quả.

Nhược điểm: Một số bác sĩ chưa thực hiện đồng đều giữa các buổi khám.

Phương hướng 2025:

Triển khai bảng đánh giá cá nhân hóa theo thời gian khám.

Xây dựng quy trình khám bệnh thông minh, giảm thời gian chờ.

12. Tỷ lệ người bệnh được đánh giá và xử trí ban đầu trong vòng 10 phút

(Khoa Hồi sức tích cực - chống độc)

Hiệu quả: 93% người bệnh cấp cứu được xử trí trong vòng 10 phút.

Ưu điểm: Quy trình phân loại cấp cứu tại khoa triển khai hiệu quả.

Nhược điểm: Một số ca đến đồng thời khiến xử trí chậm.

Phương hướng 2025:

Bổ sung nhân lực ca trực.

Trang bị thêm thiết bị hỗ trợ phân loại nhanh.

13. Tỷ lệ kê đơn thuốc hợp lý theo hướng dẫn điều trị (Khoa Dược) (Tổng hợp cuối năm)

Hiệu quả: Tỷ lệ trung bình cả năm đạt 75%.

Ưu điểm: Phần lớn đơn thuốc tuân thủ đúng phác đồ, giảm sai sót.

Nhược điểm: Một số thuốc mới chưa cập nhật trong danh mục.

Phương hướng 2025:

Rà soát lại danh mục thuốc định kỳ.

Đào tạo chuyên đề kê đơn an toàn theo từng chuyên khoa.

Trên đây là báo cáo hiệu quả chỉ số năm 2024 tại Bệnh viện Đa khoa Ba Vì

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Các khoa, phòng (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
ĐA KHOA
HUYỆN BA VÌ
Nguyễn Ngọc Vinh.